TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **125**/2024/DS-ST
Ngày: 21/6/2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
Di dời nhà trả lại đất và
bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phong Phi

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

Ông Võ Hoàng Nghiệp

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST – DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc *"tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời nhà trả lại đất và bồi thường thiệt hại"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn B, Sinh năm 1952. Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Phú Nhơn, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang (chết 05/7/2023).

- *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B*

Bà Lê Thị Hạnh, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Thanh Lộc, sinh năm 1990. Cùng cư trú: Ấp Phú Nhơn, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Phước Thọ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Thị Phê, sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang, sinh năm 2001. Cùng cư trú: Tổ 1, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Lê Văn Giang, sinh năm 1985; Bà Thái Thị Hạnh, sinh năm 1984. Cùng cư trú: Ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn, *Nguyễn Văn B (chết) do Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B gồm các ông bà Lê Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, ông Nguyễn Thanh Lộc, (vắng mặt)*

Ông Nguyễn Phước Thọ (có mặt) trình bày:

Gia đình ông B có một mảnh đất thổ cư toạ lạc tại tổ 1, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có biên lai đóng thuế năm 1964 – 1966 chế độ cũ và biên lai đóng thuế năm 1993), vị trí cập bờ kênh Thầy ban, phía đông giáp ranh ông Kiều Công Tuyển, phía nam giáp huyện lộ An Phú, phía tây giáp sông Phú Hội, phía bắc giáp kênh Thầy Ban, chiều ngang 64 m x dài 130m đất sử dụng từ trước đến nay có mua bán cho các hộ gia đình gồm ông Nguyễn Văn Hồ, ông Kiều Thanh Thao, ông Nguyễn Văn Cống, ông Nguyễn Văn Đăng, ông Nguyễn Văn Khi, ông Nguyễn Văn Tác, bà Nguyễn Thị Gương, kế bên nhà bà Gương giáp ranh với đất Kiều Công Tuyển, có cho trạm tài Chánh đóng, năm 2009 trạm tài chánh dời đi trả đất lại cho gia đình các ông bà. Năm 2016, ông Nguyễn Văn S sửa nhà cất bên đất của các ông bà cất nhà ngang 5m dài 20m, ông B khi còn sống có làm đơn gửi đến xã Vĩnh Hội Đông để giải quyết nhưng ông S được mời nhưng ba lần không đến. Năm 2018 Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông ra thông báo hoà giải không thành ông B có gửi đơn đến uỷ ban nhân dân huyện và ông B khởi kiện ra Toà.

Nay ông Thọ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B) yêu cầu ông Nguyễn Văn S di dời nhà trả lại phần đất cho gia đình các B ngang 5,1m dài 20m (theo kết quả đo đạc là các điểm 2,3,4,5,6,7,8,928,27,39,24 diện tích 63,4 m^2 và nhà vệ sinh tại các điểm 25,26,27,39 diện tích 3,7 m^2, và bồi thường thiệt hại cây trồng trên mặt đất do ông Nguyễn Văn S nhiều lần cưa trộm gồm ba cây bạch đằng,

hai cây me tây tuổi thọ 25 năm và đồng thời bồi thường tiền chiếm dụng mặt bằng từ năm 2016 với số tiền 500.000đồng/tháng. Tổng thời gian đến nay năm 2023, bảy năm với số tiền 42 triệu đồng và thêm tiền thiệt hại cây trồng trên mặt đất 8.000.000 đồng tổng tất cả 50 triệu đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S, trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lê Văn Dư sau đó ông Dư cho con là ông Lê Văn Sường thừa kế và ông Sường chia ra bán nhiều phần khác nhau cho nhiều người trong đó có ông Kiều Công Tiển, sau khi nhận sang nhượng ông Kiều Công Tiển sang nhượng lại cho ông S vào ngày 27/06/1988 toàn bộ diện tích mà ông Tiển mua từ ông Sường (phần đất này nằm bên trong toàn bộ diện tích đất của ông Sường). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông S cùng gia đình sống và cải tạo sử dụng ổn định đến nay khoảng 33 năm, không hề liên quan đất ông B (kèm theo tờ sang nhượng ngày 27/06/1988). Ông S cho rằng ông Nguyễn Văn B, khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất ngang 5,1m, dài 20m với những chứng cứ khai trong đơn, biên lai đóng thuế năm 1964 diện tích 0H20772m^2, biên lai đóng thuế năm 1966 diện tích 0H22273m^2, biên lai thu phí năm 1993 diện tích 0H2772m^2, đặc biệt phiếu thu đơn vị Phú Hội, ngày 17/10/1997, người nộp tiền Nguyễn Thị B ký thu ngày 77/10/1993, Lâm Văn Nguyên, cán bộ địa chính xã ký tên đóng dấu có đúng thẩm quyền không (Phiếu thu xã Phú Hội nhưng trích lục địa bộ xã Vĩnh Hội Đông), Những chứng cứ ông B đưa ra không thể hiện được nguồn gốc đất vị trí đất và phiếu thu, đã sử dụng làm chứng cứ trong vụ án tranh chấp đất đình thần xã Phú Hội và với ông Nguyễn Văn Sơn, xã Vĩnh Hội Đông. Nay ông S yêu cầu xem xét bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn B.

Theo Biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự ngày 07/6/2023 nguyên đơn ông B trình bày: Nguồn gốc đất là của cha Nguyễn Văn Đều cho lại ông, (đất hiện nay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nay bị ông S cất nhà lấn chiếm. Theo đơn khởi kiện ông B yêu cầu ông S di dời nhà trả lại đất ngang 5,1m, dài 20m, và bồi thường thiệt hại mỗi tháng là 500.000 đồng/tháng, tính từ 07/5/2018 đến ngày 07/5/2022 là 24.000.000 đồng.

Bị đơn ông S trình bày: đất này ông mua của ông Kiều Công Tiển từ năm 1985 đến nay sử dụng ổn định, lúc mua có giấy mua bán, hiện tại đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do nguyên đơn Nguyễn Văn B (chết) nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B gồm các ông bà Lê Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, ông Nguyễn Thanh Lộc, được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn nhưng vắng mặt không lý do, không uỷ quyền nên xem như không có yêu cầu khởi kiện

Ông Nguyễn Phước Thọ yêu cầu tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Về chứng cứ:

Ngày 07/6/2023, Tòa án ra Biên bản yêu cầu ông Thọ cung cấp tài liệu chứng cứ Giấy xác định phần đất đang khởi kiện ông Nguyễn Văn S là của ông Nguyễn Văn B (giấy tờ chứng minh có quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất trên 30 năm...). Xác định nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Đều cho lại ông Nguyễn Văn B, giấy tờ tặng cho từ ông Đều qua ông B, (nếu có). Nếu cho bằng miệng thì nhờ anh em thân tộc xác nhận việc cho này. Cung cấp, bản đồ, vị trí thửa đất đang tranh chấp với ông B (nếu có). Về yêu cầu bồi thường thiệt hại là chứng minh thiệt hại mỗi tháng là 500.000 đồng, đối với phần đất tranh chấp, có ai cho thuê đất khu vực đó với diện tích 5,1m^2, dài 20m^2 mỗi tháng 500.000 đồng photo cung cấp cho Tòa án.

Biên bản yêu cầu giao nộp bổ sung chứng cứ yêu cầu ông Nguyễn Văn S, cung cấp chứng cứ như sau: Giấy tờ mua đất của ông Kiều Công Tiển năm 1985, bản chính để đối chiếu, hoặc bản sao có chứng thực.

Bị đơn ông S cung cấp 01 "*Tờ nhượng hoa lợi*" ngày 27/6/1988 giữa ông Kiều Công Tiển và ông Nguyễn Văn S.

Kết quả đo đạc hiện trạng căn nhà của Nguyễn Văn S tại các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 28, 27, 39, 24 có diện tích 63,4 m^2 và các điểm 25, 26, 27, 39 có diện tích 3,7 m^2 là các góc nhà vệ sinh xây gạch. Toàn bộ căn nhà nằm trên phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 405,5 m^2 tại các điểm 1, 11, 35, 36, 37, 30, 29.

Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm Sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự là đúng thủ tục tố tụng. Cụ thể: Đối với Thẩm phán, xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, thủ tục xét xử vắng mặt, cũng như việc tham gia xét hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đối với Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Thủ tục đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, thủ tục thu thập chứng cứ hoàn toàn hợp pháp, thủ tục tống đạt cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn toàn hợp pháp.

Về thẩm quyền: Do phần đất tranh chấp tọa lạc tại huyện An Phú và bị đơn hiện cư trú tại địa bàn huyện An Phú do Tòa án An Phú giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời Tòa án xác định Nguyễn Văn B (chết) nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B gồm các ông bà Lê Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, ông Nguyễn Thanh Lộc, ông Nguyễn Phước Thọ là nguyên đơn, bị đơn là ông Nguyễn Văn S, các ông bà Phạm Thị Phê, bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang, ông Lê Văn Giang, bà Thái Thị Hạnh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: nguyên đơn kiện yêu cầu tranh chấp buộc di dời nhà trả lại đất và bồi thường thiệt hại nên thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án. Xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời nhà trả lại đất và bồi thường thiệt hại" theo khoản 6, khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 95 và khoản 2, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai 2013.

[3] Về thời hiệu: Đây là quan hệ về tranh chấp liên quan đến đất đai nên không xác định thời hiệu, về bồi thường thiệt hại có thời hiệu nhưng các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Về nội dung:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nguyên đơn là do cụ Nguyễn Văn Đều để lại cho con là ông Nguyễn Văn B (chết ngày 05/7/2023) nên Tòa án đưa các ông bà Lê Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, ông Nguyễn Thanh Lộc, ông Nguyễn Phước Thọ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B. Phần đất thổ cư có diện tích 20.772m^2 toạ lạc tại tổ 1, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang giáp ranh với phần đất của ông Kiều Công Tuyển sau đó ông Tuyển bán phần đất cho ông S. Năm 2016, ông Nguyễn Văn S sửa nhà cất bên đất của ông B ngang 5m^2 dài 20m^2. Nay các ông bà yêu cầu ông Nguyễn Văn S đi dời nhà trả lại phần đất cho gia đình các ông bà ngang 5,1m dài 20m, và bồi thường thiệt hại công trồng trên mặt đất do ông Nguyễn Văn S nhiều lần cưa trộm gồm ba cây bạch đằng, hai cây me tây tuổi thọ 25 năm và đồng thời bồi thường tiền chiếm dụng mặt bằng từ năm 2016 với số tiền 500.000 đồng/tháng. Tổng thời gian đến nay năm 2023, bảy năm với số tiền 42 triệu đồng và thêm tiền thiệt hại cây trồng trên mặt đất 8.000.000 đồng tổng tất cả 50 triệu đồng.

Bị đơn ông S cho rằng đất này ông mua của ông Kiều Công Tiển từ năm 1985 đến nay sử dụng ổn định, lúc mua có giấy mua bán, hiện tại đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ là Tờ ủy quyền ngày 30/4/1980 cụ Nguyễn Văn Đều ủy quyền ông B có nội dung "*Nguyên gia đình tôi*

có 02 sở đất thổ cư tại đầu kênh Thầy Ban thuộc BTQ số 03 diện tích như sau ngang 25m dài 110m trong phạm vi đất có 01 cái hầm ngang 14m dài 65m và 01 sở đất hương quả do ông nội tôi để lại trong phạm vi xã Phú Hội diện tích 1,7008m^2 số địa bộ bằng khoán là 54, số lô 53,120, tờ số 01" đồng thời giao nộp các Phiếu Thu thuế xã Phú Hội ngày 17/10/1993, phiếu thu số hiệu 116 xã Vĩnh Hội Đông ngày 07/5/1966, Phiếu thu số hiệu 182 xã Vĩnh Hội Đông ngày 14/7/1994, Biên lai thu phí, lệ phí số 006915 ngày 17/10/1993 do ông B nộp và 01 giấy được cấp vào thời pháp thuộc.

[6] Xét thấy, theo Tờ ủy quyền ngày 30/4/1980 và trích lục địa bộ, và các biên lai nộp thuế chưa xác định được vị trí đất tranh chấp, giấy ủy quyền của cụ Nguyễn Văn Đều ủy quyền cho ông B ngày 30/9/1980 thể hiện có hai thửa đất, thửa thứ nhất ở đầu kênh Thầy ban thuộc Ban tự quản số 3 và thửa thứ hai trong phạm vi xã Phú Hội giao lại cho ông Nguyễn Văn B cũng chưa thể hiện có hay không phần đất tranh chấp.

[7] Theo hồ sơ tài liệu của vụ án thụ lý 204/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa ông B cùng Ban Quý tế đình thần xã Phú Hội thì bà Thanh đại diện ủy quyền của ông B cũng nộp những chứng cứ này gồm: Tờ trích lục điền thổ lập ngày 21/9/1970; Tờ trích lục địa bộ lập ngày 18/8/1988 thể hiện số bộ 54, số lô 53, 120, tờ 01 người đứng tên Nguyễn Văn Nghiêm diện tích 1.7008m^2 đất ruộng và 800m^2 đất vườn tạp; Giấy thông báo nộp thuế nhà của ông Nguyễn Văn B đất ngày 15/3/2004; Giấy ủy quyền của ông Nguyễn Văn Điều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B và những chứng cứ này bị bác bỏ theo Bản án của Toà án nhân dân huyện An Phú.

[8] Đồng thời, theo đơn khởi kiện nguyên đơn khai phần đất thổ cư ông B quản lý có diện tích 20.772m^2 tuy nhiên theo Theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày ngày 11/01/2024 thì phần đất có diện tích 183,1 m^2 tại các điểm 30, 31, 32, 38, 10, 33, 34, 36, 37, thuộc thửa số 73 tờ bản đồ số 1 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01680 do UBND huyện An Phú cấp ngày 08/01/2019 mang tên ông Lê Văn Giang, bà Thái Thị Hạnh nên còn lại phần đất diện tích 405,5 m^2 tại các điểm 1, 11, 35, 36, 37, 30, 29 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khai "*kế bên nhà bà Gương giáp ranh với đất Kiều Công Tuyển, có cho trạm tài chánh đóng, năm 2009 trạm tài chánh dời đi trả đất lại cho gia đình các ông bà*" nhưng kế nhà bà Gương là phần đất của ông Kiều Công Tuyển vậy lời trình bày của bị đơn ông S là có nhận chuyển nhượng phần đất của Kiều Công Tiển và cất nhà ở ổn định từ năm 1988 cho đến nay (có biên lai thu thuế nhà đất ngày 26/4/2002) và phù hợp với tờ*"Tờ nhượng hoa lợi*" ngày 27/6/1988 giữa ông Tiển và ông S. Bên cạnh đó, theo Biên bản xem xét thẩm định của Tòa án thì ông S cất nhà từ năm 1990 đến nay và ở ổn định trong thời gian dài đến năm 2023 ông B mới phát sinh tranh chấp nên lời trình bày của bị đơn có thật và có căn cứ xem xét.

Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông B yêu cầu ông S di dời nhà trả lại đất nhưng không chứng minh được mình có quyền quản lý khu đất cũng không chứng minh được việc đất cụ Đều để lại cho ông B cụ thể ở các điểm nào, nếu đất của ông B thì lý do nào mà ông Tiến chuyển nhượng cho ông S trong thời gian dài mà ông B không có ý kiến do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc ông S di dời nhà trả lại phần đất.

[9] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cây trồng trên mặt đất do ông Nguyễn Văn S nhiều lần cưa trộm gồm ba cây bạch đằng, hai cây me tây tuổi thọ 25 năm và đồng thời bồi thường tiền chiếm dụng mặt bằng từ năm 2016 với số tiền 500.000đồng/tháng. Tổng thời gian đến nay năm 2023, bảy năm với số tiền 42.000.000 đồng và thêm tiền thiệt hại cây trồng trên mặt đất 8.000.000 đồng tổng tất cả 50.000.000 đồng đồng. Theo Biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự ngày 07/6/2023 đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn S bồi thường thiệt hại mỗi tháng là 500.000 đồng/tháng, tính từ 07/5/2018 đến ngày 07/5/2022 là 24.000.000 đồng. Ngày 07/6/2023, Tòa án ra Biên bản yêu cầu ông Thọ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của các ông bà nhưng đến nay ngoài lời trình bày thì phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ xem xét chấp nhận

Từ những căn cứ nêu trên thì Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Thọ)

[8] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do nguyên đơn là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp miễn án phí, nên miễn án phí cho nguyên đơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 95 và khoản 2, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ khoản 6, khoản 9, Điều 26 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là ông Nguyễn Phước Thọ)

Về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S di dời nhà trả lại đất tại các điểm 2,3,4,5,6,7,8,92,27,39,24 diện tích 63,4 m^2 và các điểm 25,26,27,39 diện tích 3,7 m^2

bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 11/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Dung, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, ông Nguyễn Thanh Lộc (do triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt)

Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú thi hành án theo bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 11/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi, khi khởi kiện có đơn xin miễn án phí nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ cũng được miễn án phí.

Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc 835.920 đồng theo hoá đơn gia trị gia tăng số 0001254 ngày 22/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 26/10/2023 của Toà án, do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí này, (đương sự đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21.6.2024) các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi